

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 304/2026/HS-ST  
Ngày : 23/6/2026

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Hiếu Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Khánh Hải

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Tuyết Vân - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 313/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2026/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2026 đối với bị cáo:

**Phạm Anh D**, (tên gọi khác: N), sinh ngày 22/12/1998 tại tỉnh Ninh Thuận (nay là tỉnh Khánh Hòa); Căn cước công dân số: 058098006xxx; Nơi đăng ký thường trú: khu phố E, phường T, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận (nay là phường P, tỉnh Khánh Hòa); Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Thợ hớt tóc: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn Q và bà: Nguyễn Thị H; Vợ, con: Không có; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 13/12/2024.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Anh Đặng Hoàng K, sinh năm 1993; Thường trú: A10/26A5 ấp B, xã B, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 11/12/2024, tại trước số B N, Phường D, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh, Công an P, Quận A Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính đối với Đặng Hoàng K. Qua kiểm tra xét nghiệm nước tiểu của K, kết quả "dương tính" với chất ma túy. K khai sử dụng ma túy một mình vào ngày 11/12/2024, tại Phòng 3.2 nhà số B N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Khoảng 22 giờ ngày 11/12/2024, tại trước số B N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh, Công an P, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh kiểm tra hành chính Phạm Anh Dũng. Kết quả xét nghiệm nước tiểu của D "Dương tính" với chất ma túy. D khai đã sử dụng ma túy tại nơi ở của D tại P, nhà số B N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Anh D, kết quả thu giữ của D: 01 hộp giấy, bên trong hộp giấy có 01 cân điện tử và 01 hộp thiếc màu trắng, bên trong hộp thiếc có 01 gói nylon chứa tinh thể, là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,6523g, loại Methamphetamine (theo Kết luận giám định số 14839/KL-KTHS ngày 17/12/2024 của Phòng Kỹ thuật Công an Thành phố H), D cất giữ để bán cho người nghiện và 10 gói nylon rỗng; 01 hộp thiếc màu vàng, bên trong hộp thiếc có 01 nỗ thủy tinh có tinh thể bám dính, không xác định được khối lượng, tìm thấy M ở dạng vết (theo Kết luận giám định số 14839/KL-KTHS ngày 17/12/2024); 01 bình thủy tinh và 01 bình ống hút (để trong gói lười đặt trong phòng).

Thu giữ của Đặng Hoàng K: 01 bình thủy tinh, 01 ống hút, bên trong nỗ thủy tinh có tinh thể bám dính, không xác định được khối lượng do mẫu quá ít, tìm thấy M ở dạng vết (theo Kết luận giám định số 14839/KL-KTHS ngày 17/12/2024) - là bộ dụng cụ sử dụng trái phép chất ma túy, D cho K vào tháng 11/2024 dùng để sử dụng ma túy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo Phạm Anh D khai: Từ tháng 8/2024, D thuê căn Phòng 3.2, nhà số B N, Phường D, Quận A (Phường V), Thành phố Hồ Chí Minh của ông Phạm Minh H1 với giá 3.500.000 đồng/tháng để lưu trú. Tháng 9/2024, D quen biết Đặng Hoàng K qua mạng xã hội "X". Đến đầu tháng 10/2024, K dọn đến ở cùng với D, chia tiền phòng mỗi người trả 1.750.000 đồng; chi phí điện và nước chia đôi. D bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy từ tháng 9/2024, D mua ma túy của người tên L (không rõ lai lịch) quen biết qua mạng xã hội "X", trên trang cá nhân của L có đăng nội dung mua bán các loại ma túy. Sau đó, D kết bạn với L qua tài khoản Telegram tên "Nguyễn L" và tài khoản zalo tên "T H O R" để liên lạc mua ma túy. Khoảng 07 giờ ngày 09/12/2024, D sử dụng zalo tên "Nam Anh Boutique" liên lạc với L hỏi mua 25 số ma túy đá với số tiền 1.800.000 đồng. L đồng ý, D gửi địa chỉ số C H, Phường E, Quận A (nay là phường V), Thành phố Hồ Chí Minh để L giao ma túy. Sau đó, D sử dụng tài khoản số 777722121998 tại Ngân hàng M1 chuyển số tiền 1.500.000 đồng vào tài khoản số 004704070015410 tại Ngân hàng H3 tên NGUYEN VAN GIAU để trả tiền mua ma túy. Người này chạy xe mô tô đến giao cho D 01 gói ma túy đá. Sau khi nhận được ma túy, D chuyển vào tài khoản số 004704070015410 tại Ngân hàng H3 tên

NGUYEN VAN GIAU số tiền 1.300.000 đồng gồm: 300.000 đồng tiền mua ma túy còn thiếu và 1.000.000 đồng D nợ L lần mua ma túy trước đó. Đến 21 giờ cùng ngày, K hỏi mua 03 số ma túy đá với giá 300.000 đồng, D đồng ý và dùng cân điện tử bán cho K 03 số ma túy. Sau khi mua ma túy của D, K lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy của K (đã được D cho trước đó) ra sử dụng. D cũng cân cho D 01 gói 03 số ma túy rồi lấy bộ dụng cụ của D ra sử dụng ở góc khác trong phòng. Ma túy và bộ dụng cụ sử dụng ma túy của ai thì người đó sử dụng, không sử dụng chung. D mới sử dụng chung với K 01 lần vào ngày 09/12/2024, còn các lần trước K tự sử dụng một mình, D đi làm ở tiệm hớt tóc.

D mua ma túy của L nhiều lần, trong đó có 05 lần chuyển tiền từ tài khoản Momo của D, số H, chuyển qua tài khoản Momo của L, số C tên NGUYỄN QUỐC Q1. Ngoài ra, D còn chuyển tiền mua ma túy cho L vào các tài khoản số 920202903979 tại Ngân hàng T1 tên M1; tài khoản số 373955979 Ngân hàng M1; tài khoản số 0899020587 Ngân hàng M1 tên NGUYEN VAN HAO. Sau khi mua ma túy của L, D phân chia thành các gói nhỏ từ 03 số (0,3g) đến 12 số (1,2g) để bán với giá 300.000 đồng đến 1.000.000 đồng. D để thông tin trên trang cá nhân ở mạng xã hội "X" là có bán ma túy, cần mua ma túy thì liên hệ, sau đó D giao ma túy theo thỏa thuận với người mua. D đã bán ma túy cho nhiều người quen trên mạng (không rõ lai lịch). Vào khoảng tháng 11/2024, D đã 04 lần bán ma túy cho K, mỗi lần bán 03 số ma túy đá. K đã chuyển 550.000 đồng từ tài khoản Momo của K, đăng ký số điện thoại 08355834493, qua tài khoản Momo của D, đăng ký số điện thoại 0827221297, vào các ngày 15/11/2024 và ngày 18/11/2024. Ngày 09/12/2024, K mua 03 số ma túy của D nhưng chưa trả tiền. D thu lợi từ việc bán ma túy khoản 10.000.000 đồng và đã tiêu xài cá nhân hết.

Đặng Hoàng K khai: K bắt đầu sử dụng ma túy đá từ tháng 5/2024. Vào cuối tháng 10/2024, K đến ở trọ với Phạm Anh D và cùng trả tiền phòng. Trong thời gian ở chung, K biết D bán ma túy. Khi K cần mua ma túy, nếu D1 có ở nhà thì D sẽ lấy đưa cho K, còn nếu D không có ở nhà thì K sử dụng zalo gọi cho D và D sẽ chỉ địa điểm cất ma túy trong Phòng 3.2. K lấy ma túy và sử dụng một mình. K trả tiền cho Phạm Anh D bằng hình thức chuyển khoản từ Momo số 0835583493, liên kết với Ngân hàng V 0181003520069 tên Đặng Hoàng K, qua Momo của Phạm Anh D số 0827221297. K đã mua ma túy của D được 05 lần như đã nêu trên. K sử dụng trái phép chất ma túy lần gần nhất là ngày 09/12/2024, bộ D2 sử dụng trái phép chất ma túy do D cho K.

Anh Phạm Minh H1 khai: Phòng 3.2, căn nhà số B N, Phường D, Quận A (nay là Phường V), Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 8/2024 với giá 3.500.000 đồng/tháng. Đến tháng 10/2024 thì D báo có bạn tên Đặng Hoàng K đến thuê trọ cùng D, H1 đồng ý. Việc D và K sử dụng trái phép chất ma túy tại căn phòng trên, H1 không biết. Do đó, không có căn cứ xử lý đối với H1.

Ngân hàng T1 trả lời chủ tài khoản số 920202903979 tên Nguyễn Quốc Q1, sinh năm: 1990, HKTT: E T, Phường A, Quận H (nay là Phường P), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng H3 trả lời chủ tài khoản số 004704070015410 tên Nguyễn Văn G, sinh năm: 1994, HKTT: C1/15 Ấp C, xã P, huyện B (nay là xã B), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng M2 trả lời chủ tài khoản số 0899020587 tên Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1987, HKTT: A, xã V, Thành phố V, tỉnh Hậu Giang (nay là Phường V, Thành phố Cần Thơ).

Cơ quan điều tra tiến hành thu thập ảnh Nguyễn Quốc Q1, Nguyễn Văn G, Nguyễn Văn H2 cho D nhận dạng, D xác định những người trên không phải là người bán ma túy cho D.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh Nguyễn Văn Q2 có đăng ký tại E T, Phường P, Thành phố. Hồ Chí Minh. Năm 2023 gia đình đã bán nhà, hiện Q2 không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu; Nguyễn Văn Giàu có đăng ký thường trú tại C Ấp C, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện tại G không thực tế tại địa phương do vào tháng 01/2025, G bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố T khởi tố; Nguyễn Văn H2 có đăng ký tại Ấp B, xã V, Phường V, Thành phố Cần Thơ. Hiện tại H2 không có mặt tại địa phương, đi đâu không rõ. Cơ quan điều tra ra Quyết định truy tìm đối với Nguyễn Văn Q2 và Nguyễn Văn H2 nhưng chưa có kết quả.

Đối với người tên L bán ma túy cho D, hiện chưa rõ lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với Nguyễn Hoàng K1 đã bị công an phường V lập hồ sơ đề nghị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc và Tòa án nhân dân Quận 10 (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh đã áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 15 tháng.

Vật chứng vụ án:

- 01 gói vật chứng đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ Trần Quang T, bên trong chứa tinh thể có khối lượng: 1,4224g, là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, số vụ 4701/24, gói 1 (mẫu vật hoàn lại sau giám định).

- 01 gói vật chứng đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ Trần Quang T, bên trong chứa ống thủy tinh số vụ: 4701/24, gói 2 (mẫu vật hoàn lại sau giám định).

- 01 gói vật chứng đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ Trần Quang T, bên trong chứa ống thủy tinh số vụ: 4701/24, gói 3 (mẫu vật hoàn lại sau giám định).

- 01 hộp kim loại màu trắng, 10 gói nylon rỗng, 01 hộp kim loại màu vàng 1 hộp giấy, 01 bình thủy tinh, 01 ống hút - là dụng cụ của D sử dụng vào việc phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone và 01 cân điện tử thu giữ của D.

- 01 bình thủy tinh, 01 ống hút, 01 điện thoại di động hiệu POCO thu giữ của Đặng Hoàng K.

Tại bản cáo trạng số 277/CT-VKS-KV4 ngày 17 tháng 3 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phạm Anh D về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 và khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh công bố bản luận tội giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo đúng theo nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, nêu lên tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức án từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 10 năm đến 11 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2024.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của bị cáo: Không có ý kiến tranh luận.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử khoan hồng, giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[2] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Tại Cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận hành vi của mình, qua lời khai nhận của bị cáo, đối chiếu với vật chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để kết luận:

- Bị cáo Phạm Anh D đã có hành vi cất giấu 1,6523g là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine nhằm mục đích để bán kiếm lời; trước đó bị cáo đã 05 lần bán ma túy cho Đặng Hoàng K, đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, là tình tiết định khung hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- Ngoài ra, ngày 09/12/2025, sau khi bán ma túy cho Đặng Hoàng K, bị cáo đã cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy cho K sử dụng, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo là rất nghiêm trọng và gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, tạo điều kiện làm gia tăng tệ nạn nghiện hút ma túy trong thanh thiếu niên và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Bị cáo đã thành niên, đủ khả năng nhận thức và biết rõ tác hại của việc mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân mà bị cáo đã bất chấp tất cả, xem thường pháp luật và lợi ích của cộng đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm mục đích cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự với bị cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra xác định bị cáo thu lợi bất chính 10.000.000 đồng từ hành vi phạm tội nên cần buộc bị cáo nộp lại số tiền trên để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ 03 gói niêm phong là ma túy còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm lưu hành.

+ 01 hộp kim loại màu trắng, 10 gói nylon rỗng, 01 hộp kim loại màu vàng, 1 hộp giấy, 01 bình thủy tinh, 01 ống hút thu giữ của bị cáo D; 01 bình thủy tinh, 01 ống hút thu giữ của Đặng Hoàng K là những vật không có giá trị và dùng vào việc phạm tội.

- Thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone thu giữ của bị cáo

+ 01 cân điện tử

+ 01 điện thoại di động hiệu POCO thu giữ của Đặng Hoàng K,

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo: Phạm Anh D **07 (bảy)** năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và **02 (hai) năm** tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/12/2024.

**2.** Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo nộp lại 10.000.000 (mười triệu) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

**3.** Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu và tiêu hủy:

+ 01 gói vật chứng đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của Giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ Trần Quang T, bên trong chứa tinh thể có khối lượng: 1,4224g, là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine, số vụ 4701/24, gói 1 (mẫu vật hoàn lại sau giám định).

+ 01 gói vật chứng đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ Trần Quang T, bên trong chứa ống thủy tinh số vụ: 4701/24, gói 2 (mẫu vật hoàn lại sau giám định).

+ 01 gói vật chứng đã được niêm phong, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Võ La Bảo Y và cán bộ Trần Quang T, bên trong chứa ống thủy tinh số vụ: 4701/24, gói 3 (mẫu vật hoàn lại sau giám định).

+ 01 hộp kim loại màu trắng, 10 gói nylon rỗng, 01 hộp kim loại màu vàng 1 hộp giấy, 01 bình thủy tinh, 01 ống hút; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 bình thủy tinh và 01 ống hút.

- Thu nộp ngân sách Nhà nước:

- + 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số số imei: 356836327177231.
- + 01 điện thoại di động hiệu POCO, số imei: 862598050796846.
- + 01 cân điện tử.

(Tình trạng vật chứng theo như Biên bản bàn giao vật chứng số 247/BB/2026 ngày 14/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người có QL, NV liên quan;
- TTG Chí Hòa – PTTG Bình Thới;
- Cơ quan CSĐT CATP.HCM (PC02);
- VKSND KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV4-TP. Hồ Chí Minh;
- TAND, VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNV CA TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Hiếu Hạnh**